BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

KẾT QUẢ ĐIỂM THI CAO HỌC K9 / 2013

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
1	1	Phạm Thu	**An**	Nữ	15/12/1973		8.00	45.50	7.00	
2	2	Bành Thị Vân	**Anh**	Nữ	1/5/1981		4.50	67.50	7.00	
3	3	Phạm Thị Lan	**Anh**	Nữ	1/4/1981		5.00	39.00	7.00	
4	4	Phạm Thị Lan	**Anh**	Nữ	14/7/1980		8.00	66.00	6.50	
5	5	Đinh Thị Phương	**Anh**	Nữ	3/5/1973		5.50	44.00	7.00	
6	6	Hoàng Trúc	**Anh**	Nữ	4/10/1978		5.00	44.00	5.00	
7	7	Phạm Phương	**Anh**	Nữ	26/8/1975		7.00	36.00	7.00	
8	8	Trần Việt	**Anh**	Nam	8/3/1977	Miền núi				
9	9	Hoàng Thị Kim	**Anh**	Nữ	14/1/1984	Con thương binh	8.50	63.00	8.50	
10	10	Ngô Thị Tuệ	**Anh**	Nữ	9/12/1975		5.00	67.50	5.00	
11	11	Nguyễn Thị Kim	**Anh**	Nữ	6/2/1989					
12	12	Lê Viết	**Anh**	Nam	12/6/1985		6.50	50.50	7.50	
13	13	Nguyễn Thị Lan	**Anh**	Nữ	12/8/1977		6.00	38.50	7.50	
14	14	Bùi Tuấn	**Anh**	Nam	24/3/1980					
15	15	Đào Thế	**Anh**	Nam	19/12/1977	Con NN CĐDC	7.50	63.00	4.00	
16	16	Lê Hồng	**Anh**	Nữ	23/6/1974		6.50	83.00	6.50	
17	17	Vũ Thị Lan	**Anh**	Nữ	3/6/1970	Con liệt sĩ	6.00	68.00	5.00	
18	18	Nguyễn Thị Út	**Ba**	Nữ	14/9/1970					

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
19	19	Đỗ Văn	**Bắc**	Nam	2/5/1981	Con NN CĐDC	7.50	60.50	5.00	
20	20	Trịnh Khắc	**Bằng**	Nam	26/6/1978		8.50	59.50	6.00	
21	21	Đỗ Thị	**Bảy**	Nữ	20/10/1973		7.00	50.50	8.00	
22	22	Lương Thị	**Bé**	Nữ	8/1/1989	DT thiểu số	8.00	50.50	6.00	
23	23	Ngô Thị	**Biên**	Nữ	2/3/1976		8.00	81.50	6.00	
24	24	Trần Thị Thanh	**Bình**	Nữ	18/11/1975		4.50	55.00	7.00	
25	25	Dương Thị Thanh	**Bình**	Nữ	7/3/1983		7.00	73.50	6.00	
26	26	Huỳnh Thị Hòa	**Bình**	Nữ	2/2/1973	Miền núi	6.00	51.00	7.50	
27	27	Nguyễn Thế	**Bình**	Nam	16/6/1976		8.00	73.00	6.00	
28	28	Nguyễn Thanh	**Bình**	Nam	9/12/1983		8.00	66.50	7.50	
29	29	Quách Tân	**Bình**	Nam	25/2/1979	Miền núi	8.50	52.50	5.00	
30	30	Lê Văn	**Cận**	Nam	5/4/1981	Miền núi	9.50	55.50	7.00	
31	31	Ngô Đức	**Cảnh**	Nam	25/10/1976		7.50	35.50	5.00	
32	32	Trương Hữu	**Chất**	Nam	25/8/1976		4.00	27.50	5.00	
33	33	Nguyễn Thị Thái	**Châu**	Nữ	24/3/1989		8.00	24.50	7.00	
34	34	Nguyễn Thị Khánh	**Chi**	Nữ	28/9/1982		2.50	15.00	5.00	
35	35	Vũ Hồng	**Chi**	Nữ	10/11/1985					
36	36	Vũ Văn	**Chiến**	Nam	25/12/1977		6.00	25.50	4.00	
37	37	Ngô Bách	**Chiến**	Nam	20/2/1983		6.00	20.00	3.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
38	38	Nguyễn Giáp	**Chiến**	Nam	5/10/1976		4.50	21.50	4.00	
39	39	Hoàng Tuyết	**Chinh**	Nữ	27/6/1989		7.50	25.00	6.00	
40	40	Chu Thị	**Chinh**	Nữ	27/4/1976		3.00	28.50	5.00	
41	41	Lê Thị	**Chung**	Nữ	15/7/1974					
42	42	Nguyễn Thị	**Chung**	Nữ	19/8/1974	Con NN CĐDC	7.00	38.50	6.00	
43	43	Dương Thị	**Chuyên**	Nữ	13/12/1989	Vùngcao	9.50	67.00	8.50	
44	44	Nguyễn Tiến	**Công**	Nam	1/6/1982	Miền núi				
45	45	Tạ Quốc	**Công**	Nam	14/8/1979		4.00	26.00	5.00	
46	46	Võ Đức	**Cường**	Nam	3/10/1963		5.00	56.00	5.00	
47	47	Nguyễn Danh	**Cường**	Nam	12/9/1981		5.00	29.00	5.50	
48	48	Ngô Văn	**Đảm**	Nam	20/1/1981		6.00	58.00	5.00	
49	49	Nguyễn Thị	**Đạt**	Nữ	15/9/1968	Con thương binh	8.50	48.50	6.00	
50	50	Trần Văn	**Đạt**	Nam	24/5/1987		5.00	21.00		
51	51	Hoàng Thị	**Đạt**	Nữ	28/9/1988	Con thương binh	4.00	32.50	4.00	
52	52	Lê Quang	**Đạt**	Nam	27/1/1980	Miền núi	4.00	39.00	3.50	
53	53	Phạm Hồng	**Điệp**	Nam	10/10/1982		7.50	57.00	7.00	
54	54	Tôn Thị Thúy	**Diệu**	Nữ	31/5/1983		7.50	50.50	5.00	
55	55	Nguyễn Quang	**Đoan**	Nam	19/10/1978		5.00	31.00	5.00	
56	56	Nguyễn Văn	**Đông**	Nam	6/5/1978		5.00	21.00	5.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
57	57	Thân Thế	**Dư**	Nam	23/2/1985		5.50	30.50	5.00	
58	58	Đặng Văn	**Duận**	Nam	22/3/1978					
59	59	Ngô Xuân	**Đức**	Nam	27/9/1980		5.00	48.00	6.00	
60	60	Dương Thị	**Đức**	Nữ	20/12/1969		5.00	29.50	4.00	
61	61	Nguyễn Công Ngọc	**Đức**	Nam	19/9/1986		7.50	29.00		
62	62	Nguyễn Thị Phương	**Dung**	Nữ	6/1/1984		7.00	21.00	5.00	
63	63	Nguyễn Kim	**Dung**	Nữ	27/1/1977		8.00	57.50	6.00	
64	64	Nguyễn Kim	**Dung**	Nữ	17/2/1990					
65	65	Hà Minh	**Dũng**	Nam	2/11/1976		5.00	24.00	5.00	
66	66	Lê Quang	**Dũng**	Nam	10/12/1973		6.00	30.50	5.00	
67	67	Vũ Văn	**Duy**	Nam	14/11/1989		5.00	57.00	4.00	
68	68	Võ Thị	**Duyên**	Nữ	30/11/1980		5.00	68.50	4.00	
69	69	Nguyễn Đà	**Giang**	Nữ	20/11/1976		4.00	40.00	2.00	
70	70	Nguyễn Trường	**Giang**	Nam	18/11/1986	Miền núi	6.50	28.00	5.00	
71	71	Nguyễn Thị	**Giang**	Nữ	26/6/1989					
72	72	Ngô Thị Thu	**Giang**	Nữ	11/8/1978		7.00	59.50	7.00	
73	73	Ngô Thành	**Giang**	Nam	29/5/1982		5.00	65.00	3.00	
74	74	Tô Thị	**Giang**	Nữ	20/11/1972	Miền núi	6.50	58.00	4.00	
75	75	Lê Tùng	**Giang**	Nam	6/7/1975					

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
76	76	Hà Huy	**Giáp**	Nam	22/11/1973		8.00	68.00	5.00	
77	77	Phan Thị Thu	**Hà**	Nữ	27/8/1980		5.50	80.00	5.00	
78	78	Lương Thị Thu	**Hà**	Nữ	26/10/1974		7.00	54.50	3.00	
79	79	Lưu Thị Thu	**Hà**	Nữ	20/8/1975		7.00	38.00	4.00	
80	80	Nguyễn Thị Thu	**Hà**	Nữ	15/4/1984		6.50	52.50	5.00	
81	81	Hoàng Thị	**Hà**	Nữ	16/8/1976		6.50	61.50	5.00	
82	82	Nguyễn Thị Thu	**Hà**	Nữ	26/10/1976					
83	83	Nguyễn Thị Thu	**Hà**	Nữ	15/9/1973		5.00	57.50	3.00	
84	84	Nguyễn Thị Thu	**Hà**	Nữ	28/10/1984		6.50	59.50	7.50	
85	85	Hoàng Thị Thu	**Hà**	Nữ	25/7/1983		7.00	0.00		
86	86	Nguyễn Thị Việt	**Hà**	Nữ	11/3/1978	Miền núi				
87	87	Nguyễn Thị Việt	**Hà**	Nữ	3/3/1979		6.50	18.50	6.50	
88	88	Trần Thị Thúy	**Hà**	Nữ	15/12/1976	Miền núi	7.50	30.50	7.00	
89	89	Phùng Thị Thanh	**Hà**	Nữ	6/5/1973		7.50	26.00	3.00	
90	90	Phạm Thúy	**Hà**	Nữ	15/9/1974		7.00	28.50	7.00	
91	91	Đinh Ngọc	**Hà**	Nữ	25/5/1978		8.00	45.00	7.00	
92	92	Nguyễn Thị Việt	**Hà**	Nữ	11/12/1975		7.50	49.00	6.50	
93	93	Trần Thị Lệ	**Hà**	Nữ	25/12/1975		0.00			
94	94	Trần Thị	**Hà**	Nữ	25/6/1977		6.50	40.50	6.50	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
95	95	Trương Thu	**Hà**	Nữ	22/8/1969		5.00	36.50	5.50	
96	96	Nguyễn Thị Thu	**Hà**	Nữ	31/3/1985		8.50	56.00	7.50	
97	97	Hà Tuấn	**Hải**	Nam	15/5/1981	Miền núi	9.00	50.50	7.00	
98	98	Vũ Quốc	**Hải**	Nam	8/1/1978		8.50	44.00	5.50	
99	99	Dương Đức	**Hải**	Nam	20/5/1964		0.00			
100	100	Hồ Thanh	**Hải**	Nam	22/10/1974					
101	101	Nguyễn Mạnh	**Hải**	Nam	14/6/1973		8.50	69.00	8.00	
102	102	Lê Quốc	**Hân**	Nam	14/9/1970		4.00	58.00	5.00	
103	103	Cao Thị Thanh	**Hân**	Nữ	1/9/1971		6.00	50.50	8.50	
104	104	Nguyễn Thị Thu	**Hằng**	Nữ	20/2/1988		7.00	48.50	5.00	
105	105	Lê Thị Thu	**Hằng**	Nữ	25/2/1969		4.50	50.00	4.00	
106	106	Trần Thu	**Hằng**	Nữ	25/9/1971		2.50	44.00	3.00	
107	107	Bùi Thị Thu	**Hằng**	Nữ	21/10/1974		0.00			
108	108	Triệu Thị Thu	**Hằng**	Nữ	27/9/1976		6.00	50.00	7.50	
109	109	Nguyễn Thị	**Hằng**	Nữ	1/7/1978		9.00	70.00	7.00	
110	110	Nguyễn Văn	**Hanh**	Nam	26/9/1976		7.50	71.50	7.00	
111	111	Nguyễn Thị Hồng	**Hạnh**	Nữ	11/3/1983		1.00	29.00		
112	112	Vũ Thị Mỹ	**Hạnh**	Nữ	29/12/1970		8.00	44.50	8.00	
113	113	Nguyễn Duy	**Hạnh**	Nữ	12/11/1980		9.00	67.00	7.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
114	114	Hoàng Đức	**Hạnh**	Nam	30/6/1982	Con thương binh	8.50	66.50	5.00	
115	115	Nguyễn Thị Bích	**Hạnh**	Nữ	11/12/1971		7.50	47.50	6.50	
116	116	Khúc Thị Mỹ	**Hạnh**	Nữ	20/4/1973		8.00	50.00	6.00	
117	117	Nguyễn Mai	**Hạnh**	Nữ	25/10/1986		3.50	62.00	5.50	
118	118	Lưu Thị Hồng	**Hạnh**	Nữ	9/10/1971		7.50	58.00	6.00	
119	119	Hoàng Thị	**Hạnh**	Nữ	19/9/1971	Miền núi	10.00	55.00	5.50	
120	120	Dương Phương	**Hảo**	Nữ	8/12/1980		7.00	54.50	5.50	
121	121	Phạm Thị	**Hảo**	Nữ	17/3/1982		5.50	55.50	3.50	
122	122	Hồ Thị	**Hậu**	Nữ	1/1/1976		5.00	73.50	6.00	
123	123	Ngô Đức	**Hậu**	Nam	15/10/1970					
124	124	Vương Văn	**Hiên**	Nam	3/12/1987		3.50	36.00	6.50	
125	125	Phạm Thị Thu	**Hiền**	Nữ	25/12/1989		6.00	64.50	5.50	
126	126	Bùi Mạnh	**Hiền**	Nam	19/2/1966		4.50	37.00	3.00	
127	127	Nguyễn Thị Minh	**Hiền**	Nữ	8/7/1968		6.00	60.00	4.00	
128	128	Nguyễn Thị Thu	**Hiền**	Nữ	13/3/1976	Miền núi				
129	129	Trần Thanh	**Hiền**	Nữ	26/2/1988					
130	130	Văn Thị Thu	**Hiền**	Nũ	15/6/1972	Con liệt sĩ	9.00	62.50	4.00	
131	131	Giáp Thị	**Hiền**	Nữ	30/4/1984	Miền núi	10.00	80.50	8.00	
132	132	Nguyễn Thế	**Hiển**	Nam	25/12/1981		7.50	70.00	7.50	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
133	133	Lê Quang	**Hiển**	Nam	23/10/1974		7.00	59.50	5.50	
134	134	Lê Đình	**Hiệp**	Nam	3/8/1983					
135	135	Bùi Thị Bích	**Hiệp**	Nữ	3/2/1979		7.50	76.00	5.00	
136	136	Ngô Thúy	**Hiệp**	Nữ	15/9/1975		8.50	85.50	8.00	
137	137	Nguyễn Quang	**Hiếu**	Nam	11/2/1979		7.50	63.00	6.00	
138	138	Nguyễn Thị	**Hoa**	Nữ	29/5/1989		7.00	55.50	7.00	
139	139	Nguyễn Thanh	**Hoa**	Nữ	5/9/1987		9.00	65.50	6.50	
140	140	Nguyễn Thị	**Hoa**	Nữ	18/11/1976					
141	141	Nguyễn Thị Thanh	**Hoa**	Nữ	20/7/1979		9.00	78.50	7.00	
142	142	Trần Thúy	**Hòa**	Nữ	25/4/1973		9.00	50.00	7.00	
143	143	Đinh Văn	**Hòa**	Nam	1/9/1984		6.50	38.00	4.00	
144	144	Nguyễn Thị Thanh	**Hòa**	Nữ	16/4/1974		5.00	67.00	4.00	
145	145	Võ Thái	**Hòa**	Nam	24/4/1975		7.50	69.50	8.00	
146	146	Nguyễn Thị Hiền	**Hòa**	Nữ	4/1/1980	Con thương binh				
147	147	Khuất Thị	**Hòa**	Nữ	10/7/1973		8.50	42.00	8.00	
148	148	Đặng Nguyên	**Hoàn**	Nam	25/9/1980					
149	149	Vương Thị Ngọc	**Hồi**	Nữ	4/6/1982		7.00	52.00	8.00	
150	150	Nguyễn Thị Thu	**Hồng**	Nữ	25/4/1983		6.00	63.00	6.00	
151	151	Phạm Thị Minh	**Hồng**	Nữ	15/11/1968		5.50	47.50	4.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
152	152	Bùi Minh	**Huệ**	Nữ	10/6/1984					
153	153	Nguyễn Xuân	**Hùng**	Nam	4/7/1967		5.00	42.00	5.00	
154	154	Nguyễn Mạnh	**Hùng**	Nam	9/7/1974	Miền núi	6.00	44.00	6.50	
155	155	Nguyễn Thế	**Hùng**	Nam	21/5/1979					
156	156	Lê Đại	**Hùng**	Nam	17/7/1979		7.00	50.00	5.00	
157	157	Đàm Đức	**Hùng**	Nam	28/5/1979		7.50	43.00	5.50	
158	158	Đoàn Văn	**Hùng**	Nam	16/6/1984	Miền núi	7.00	37.00	6.50	
159	159	Phạm	**Hùng**	Nam	13/9/1977	Miền núi	9.00	39.50	6.00	
160	160	Nguyễn Văn	**Hưng**	Nam	6/12/1975					
161	161	Đỗ Quang	**Hưng**	Nam	12/5/1986		7.00	60.50	7.00	
162	162	Đoàn Thu	**Hương**	Nữ	26/10/1987		7.00	61.00	5.50	
163	163	Nguyễn Thị Mai	**Hương**	Nữ	5/1/1983		5.00	45.50	5.00	
164	164	Phí Thu	**Hương**	Nữ	7/6/1979					
165	165	Đào Thị Thu	**Hương**	Nữ	10/12/1972		6.00	45.00	4.00	
166	166	Nguyễn Thị Nghi	**Hương**	Nữ	1/12/1969		6.50	43.50	2.00	
167	167	Đặng Thị Thanh	**Hương**	Nữ	2/3/1971		5.00	44.50	5.00	
168	168	Cao Thị Lan	**Hương**	Nữ	2/7/1970		6.00	51.00	5.00	
169	169	Nguyễn Thị Thu	**Hương**	Nữ	16/7/1978					
170	170	Nguyễn Thu	**Hương**	Nữ	3/11/1974		6.00	41.50	6.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
171	171	Nguyễn Thị	**Hương**	Nữ	10/11/1989					
172	172	Ngô Thị Lan	**Hương**	Nữ	18/5/1983		4.00	53.00	6.00	
173	173	Đỗ Thị Thu	**Hương**	Nữ	28/12/1976					
174	174	Nguyễn Thị	**Hương**	Nữ	30/12/1967					
175	175	Phan Quang	**Hương**	Nam	15/7/1982	Miền núi	7.00	42.50	6.00	
176	176	Nguyễn Thị	**Hương**	Nữ	20/7/1975		6.50	40.50	5.00	
177	177	Giáp Thị Diễm	**Hương**	Nữ	7/9/1981		6.50	36.50	4.00	
178	178	Huỳnh Thị	**Hương**	Nữ	5/5/1973	Vùngcao	6.50	35.50	4.00	
179	179	Lê Thị Thu	**Hương**	Nữ	7/8/1975		6.00	44.00	5.50	
180	180	Khổng Thị Thu	**Hường**	Nữ	28/12/1989					
181	181	Nguyễn Thu	**Hường**	Nữ	9/2/1981		3.00	55.50	8.00	
182	182	Nguyễn Thu	**Hường**	Nữ	30/3/1980		0.00			
183	183	Hà Thị	**Hường**	Nữ	4/9/1981		7.00	56.50	7.00	
184	184	Nguyễn Thị	**Hường**	Nữ	15/2/1974					
185	185	Trần Thu	**Hường**	Nữ	27/1/1978		4.50	42.50	5.00	
186	186	Nguyễn Thị Thu	**Hường**	Nữ	23/11/1980		2.50	26.00	5.00	
187	187	Nguyễn Phú	**Hữu**	Nam	14/12/1980	Miền núi	7.00	36.00	8.00	
188	188	Nguyễn Đức	**Hữu**	Nam	14/4/1973		3.00	32.00	7.00	
189	189	Nguyễn Văn	**Huy**	Nam	21/2/1977		4.50	31.50	6.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
190	190	Phạm Thanh	**Huyền**	Nữ	7/11/1974		4.50	30.50	7.00	
191	191	Nguyễn Thị Bích	**Huyền**	Nữ	27/4/1973		2.50	66.00	7.00	
192	192	Nguyễn Thị Thanh	**Huyền**	Nữ	27/5/1984		6.00	41.50	7.00	
193	193	Hà Thị Thu	**Huyền**	Nữ	24/6/1980		3.50	45.00	7.00	
194	194	Bùi Thị	**Huyền**	Nữ	18/3/1981		5.50	48.00	8.00	
195	195	Phan Thị Thu	**Huyền**	Nữ	27/2/1978	Miền núi				
196	196	Trần Thị Thu	**Huyền**	Nữ	15/5/1986		4.50	48.50	5.00	
197	197	Nguyễn Thị	**Huyền**	Nữ	12/1/1976	Miền núi	5.00	50.00	4.00	
198	198	Bùi Thị Thanh	**Huyền**	Nữ	7/11/1982		7.50	26.50	8.00	
199	199	Trần Thị Thanh	**Huyền**	Nữ	5/9/1983		6.50	55.00	8.00	
200	200	Nguyễn Văn	**Ích**	Nam	23/5/1961		5.50	62.00	4.00	
201	201	Nguyễn Văn	**Khanh**	Nam	2/2/1978		7.50	50.00	7.00	
202	202	Nguyễn Thị Kiều	**Khanh**	Nữ	8/12/1977		7.00	39.00	5.50	
203	203	Đào Huy	**Khánh**	Nam	31/10/1976		6.00	40.50	4.00	
204	204	Lê Minh	**Khiêm**	Nam	10/1/1973					
205	205	Dương Văn	**Khiêm**	Nam	28/2/1979		8.50	46.50	0.00	
206	206	Đinh Trọng	**Khoa**	Nam	22/1/1973		5.00	31.50	6.00	
207	207	Hoàng Văn	**Khuê**	Nam	26/5/1981		8.00	44.00	5.00	
208	208	Vũ Trung	**Kiên**	Nam	3/1/1982					

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
209	209	Hà Văn	**Kiên**	Nam	27/11/1971		7.00	37.00	4.00	
210	210	Hà Trung	**Kiên**	Nam	15/9/1982		8.50	37.50	7.00	
211	211	Đoàn Quang	**Kính**	Nam	3/1/1988					
212	212	Nguyễn Xuân	**Kỳ**	Nam	4/12/1971		6.00	36.50	4.00	
213	213	Võ Hương	**Lam**	Nữ	20/8/1973		6.50	59.50	0.00	
214	214	Trần Thị Hoàng	**Lâm**	Nữ	27/12/1976		5.00	14.50	3.00	
215	215	Nguyễn Lê	**Lâm**	Nam	1/10/1973					
216	216	Phan Tiến	**Lâm**	Nam	26/3/1980					
217	217	Nguyễn Thị	**Lan**	Nữ	25/4/1974		7.00	64.00	5.50	
218	218	Nguyễn Hoàng	**Lan**	Nam	13/10/1977					
219	219	Mai Thị	**Lan**	Nữ	18/8/1964		5.50	48.00	5.00	
220	220	Đỗ Thị Thu	**Lan**	Nữ	16/1/1971		6.00	20.00	5.00	
221	221	Hà Thị	**Lan**	Nữ	4/9/1978	Miền núi	4.00	64.50	4.00	
222	222	Vũ Duy	**Lập**	Nam	27/11/1973		6.50	53.50	4.00	
223	223	Phạm Thị Hồng	**Lê**	Nữ	22/11/1971		0.00			
224	224	Hồ Thị Hồng	**Lịch**	Nữ	25/8/1980		6.50	28.00	0.00	
225	225	Khổng Thị Ngọc	**Liên**	Nữ	1/12/1982		6.00	22.00	6.00	
226	226	Tô Thị Bích	**Liên**	Nữ	21/6/1975		5.00	35.50	8.00	
227	227	Nguyễn Thị	**Liên**	Nam	7/12/1990					

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
228	228	Lê Thị Hồng	**Liên**	Nữ	16/6/1973					
229	229	Nguyễn Thị	**Liên**	Nữ	11/4/1973		5.50	18.50	5.00	
230	230	Phạm Thị	**Liên**	Nữ	5/1/1978		4.00	29.50	5.00	
231	231	Đỗ Thị Kim	**Liên**	Nữ	6/1/1967		3.50	18.50	5.00	
232	232	Trần Thị	**Liễu**	Nữ	10/4/1990					
233	233	Đỗ Ngọc	**Linh**	Nam	15/3/1981	Con thương binh	6.00	26.50	5.00	
234	234	Vũ Thị Diệu	**Linh**	Nữ	27/9/1979		5.00	34.50	4.00	
235	235	Nguyễn Trọng	**Linh**	Nam	10/7/1975					
236	236	Đào Thị	**Loan**	Nữ	10/9/1983		5.50	30.00	5.00	
237	237	Lê Văn	**Long**	Nam	18/9/1981		2.00	24.50	3.00	
238	238	Phan Đình	**Long**	Nam	12/3/1970		2.00	16.50	4.00	
239	239	Trần Văn	**Long**	Nam	18/9/1981		5.00	74.00	5.00	
240	240	Nguyễn Hùng	**Long**	Nam	8/10/1981					
241	241	Nguyễn Văn	**Long**	Nam	13/5/1978	Miền núi	6.50	39.50	6.00	
242	242	Đinh Thị	**Lụa**	Nữ	19/7/1972		7.50	73.00	9.00	
243	243	Hồ Đình	**Lưỡng**	Nam	22/8/1964	Con thương binh				
244	244	Hán	**Lượng**	Nam	16/8/1972					
245	245	Nguyễn Văn	**Lưu**	Nam	5/8/1983	Vùngcao	2.00			
246	246	Trần Xuân	**Lý**	Nam	29/12/1979		5.00	30.50	6.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
247	247	Nguyễn Văn	**Lý**	Nam	10/1/1983	Vùngcao	7.00	31.50	6.00	
248	248	Nguyễn Thị Thanh	**Mai**	Nữ	28/12/1981					
249	249	Trần Xuân	**Mai**	Nữ	6/6/1969		7.00	50.00	6.00	
250	250	Nguyễn Thị	**Mai**	Nữ	11/10/1989		5.50	61.50	7.50	
251	251	Lê Thị Thúy	**Mai**	Nữ	5/12/1974		6.00	39.50	8.00	
252	252	Bùi Hồng	**Mai**	Nữ	10/9/1982		5.00	69.50	6.00	
253	253	Trần Thị	**Mai**	Nữ	27/9/1972		5.50	42.00	8.50	
254	254	Phạm Quỳnh	**Mai**	Nữ	11/1/1987		5.50	44.50	4.00	
255	255	Nguyễn Thị Thanh	**Mai**	Nữ	9/1/1968		7.50	26.50	5.00	
256	256	Phạm Thị	**Miên**	Nữ	3/3/1974		3.00	43.00	4.00	
257	257	Lê Ngọc	**Minh**	Nữ	27/9/1989					
258	258	Hoàng Thế	**Minh**	Nam	20/8/1989					
259	259	Nguyễn Mậu	**Minh**	Nam	18/2/1974		7.00	68.50	0.00	
260	260	Đào Thị	**Minh**	Nữ	15/3/1977		3.50	27.50	5.00	
261	261	Phạm Văn	**Minh**	Nam	8/8/1976		3.00	20.00	5.00	
262	262	Đỗ Ngọc	**Minh**	Nữ	29/7/1982		5.50	60.50	4.00	
263	263	Nguyễn Thị Tú	**Minh**	Nữ	12/6/1984		6.50	53.00	5.00	
264	264	Phạm Đức	**Minh**	Nam	15/7/1974					

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
265	265	Đào Minh	**Nam**	Nam	16/7/1981		5.50	25.50	4.00	
266	266	Phạm Hải	**Nam**	Nam	27/1/1987					
267	267	Nguyễn Trọng	**Nam**	Nam	30/8/1987		5.50	22.50	5.50	
268	268	Nguyễn Thị Hải	**Nam**	Nữ	1/9/1978		6.50	44.00	5.00	
269	269	Phùng Sơn	**Nam**	Nam	31/8/1990		3.00	57.50	6.00	
270	270	Nguyễn Thành	**Nam**	Nam	24/12/1982		6.00	61.00	6.00	
271	271	Nguyễn Thị	**Nga**	Nữ	24/9/1977					
272	272	Nguyễn Thị Thu	**Nga**	Nữ	21/3/1977		5.50	40.50	5.00	
273	273	Lương Thị Thúy	**Nga**	Nữ	22/8/1973		4.50	23.00	6.50	
274	274	Lê Thị Thúy	**Nga**	Nữ	13/12/1972		4.00	41.00	6.00	
275	275	Nguyễn Văn	**Ngát**	Nam	28/9/1981		7.00	52.00	5.50	
276	276	Hoàng bảo	**Ngọc**	Nữ	29/7/1982		6.50	69.50	7.00	
277	277	Nguyễn Thị Hà	**Ngọc**	Nữ	12/11/1972					
278	278	Nguyễn Thị	**Ngọc**	Nữ	7/3/1980					
279	279	Hà Thị Bích	**Ngọc**	Nữ	14/1/1967					
280	280	Trần Kim	**Ngọc**	Nam	9/11/1973					
281	281	Nguyễn Hồng	**Ngọc**	Nữ	30/11/1990					
282	282	Nguyễn Vinh	**Nguyên**	Nam	14/7/1983					
283	283	Phan Thị	**Nguyệt**	Nữ	15/10/1975		7.00	24.00	5.00	
284	284	Nguyễn Thị	**Nhàn**	Nữ	2/5/1971		7.00	72.00	6.50	
285	285	Trần Thị	**Nhàn**	Nữ	20/8/1978		6.00	56.00	4.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
286	286	Hoàng Thị Hồng	**Nhạn**	Nữ	25/10/1976		6.00	34.00	4.00	
287	287	Phạm Tiến	**Nhuận**	Nam	2/11/1974		7.50	43.50	7.00	
288	288	Phan Thùy	**Nhung**	Nữ	15/1/1990		8.50	19.00	6.50	
289	289	Trần Thị	**Nhung**	Nữ	13/11/1980		7.00	81.50	5.00	
290	290	Mai Thị Hồng	**Nhung**	Nữ	21/11/1980		2.00	12.50	5.50	
291	291	Nguyễn Thị Ngọc	**Nhung**	Nữ	6/11/1981		5.00	27.00	5.50	
292	292	Trần Thị Tuyết	**Nhung**	Nữ	8/11/1977		0.00			
293	293	Nguyễn Thị	**Nhung**	Nữ	22/2/1981					
294	294	Khổng Thị	**Nhung**	Nữ	16/6/1978		7.00	71.50	5.00	
295	295	Nguyễn Vũ Ngọc	**Oanh**	Nữ	21/11/1976					
296	296	Trương Đình	**Phát**	Nam	7/12/1969		2.50	65.00	5.00	
297	297	Ngô Thị Minh	**Phú**	Nữ	19/11/1973		0.00			
298	298	Bùi Quang	**Phú**	Nam	26/2/1977	Miền núi	9.00	31.00	6.50	
299	299	Lâm Trọng	**Phúc**	Nam	1/12/1984		8.00	13.00	6.00	
300	300	Lê Thị Diễm	**Phương**	Nữ	10/9/1978					
301	301	Đào Văn	**Phương**	Nam	20/10/1981					
302	302	Trần Thị Mai	**Phương**	Nữ	19/2/1974		5.00	37.50	5.00	
303	303	Phạm Hoàng	**Phương**	Nam	23/10/1979		2.50	35.50	5.50	
304	304	Phạm Thị Lan	**Phương**	Nữ	21/5/1979		7.00	78.50	6.50	
305	305	Nguyễn Thị Kim	**Phương**	Nữ	13/4/1977		6.50	58.00	7.00	
306	306	Nguyễn Ngọc	**Phương**	Nam	30/5/1977		1.00	74.50	5.00	
307	307	Bùi Thị Hồng	**Phượng**	Nữ	7/8/1974		3.00	72.00	8.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
308	308	Nguyễn Kim	**Phượng**	Nữ	21/9/1989		7.00	70.50	7.00	
309	309	Nguyễn Thị	**Phượng**	Nữ	10/4/1971		3.00	54.50	6.00	
310	310	Nguyễn Thị	**Phượng**	Nữ	4/2/1977	Con NN CĐDC	4.00	51.50	7.50	
311	311	Trần Thị Thanh	**Phượng**	Nữ	25/4/1972		4.00	39.50	7.50	
312	312	Phạm Thị	**Phượng**	Nữ	17/2/1981		3.00	57.50	6.50	
313	313	Nguyễn Anh	**Quân**	Nam	9/9/1969		5.00	36.00	7.00	
314	314	Hoàng Văn	**Quân**	Nam	15/6/1984					
315	315	Vi Hồng	**Quân**	Nam	7/7/1976	Miền núi	6.00	21.50	6.00	
316	316	Nguyễn Tiến	**Quang**	Nam	30/8/1960	Miền núi	8.00	21.00	8.00	
317	317	Nguyễn Văn	**Quảng**	Nam	12/4/1974		3.00	44.50	8.00	
318	318	Nguyễn Tuấn	**Quảng**	Nam	25/9/1972	Miền núi	6.00	44.50	7.50	
319	319	Lê Thị Hồng	**Quế**	Nữ	4/10/1972		2.00			
320	320	Vũ Thị	**Quyên**	Nữ	29/8/1976		3.50	45.00	7.50	
321	321	Nguyễn Thị	**Quyên**	Nữ	18/11/1980		1.00			
322	322	Phạm Thị Thu	**Quyên**	Nữ	14/5/1988		5.00	26.00	8.00	
323	323	Phạm Đỗ	**Quyên**	Nữ	27/8/1990		6.50	45.00	7.50	
324	324	Phí Hữu	**Quynh**	Nam	16/3/1973		5.00	39.00	0.00	
325	325	Nguyễn Thị	**Quỳnh**	Nữ	3/6/1977		2.00	56.00		

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
326	326	Phạm Như	**Quỳnh**	Nữ	10/12/1974		6.50	45.00	6.50	
327	327	Nguyễn Thị Như	**Quỳnh**	Nữ	28/9/1975		6.00	35.00	6.00	
328	328	Lê Mạnh	**Quỳnh**	Nam	5/9/1980		6.00	34.00	8.00	
329	329	Phùng Ngọc	**Quỳnh**	Nữ	17/9/1970		2.00			
330	330	Lê Mỹ	**Quỳnh**	Nữ	15/3/1979					
331	331	Tống Minh	**Sâm**	Nam	11/1/1970					
332	332	Nguyễn Văn	**Sẫn**	Nam	24/11/1967					
333	333	Trương Quang	**Sáng**	Nam	10/12/1976		7.00	24.00	5.00	
334	334	Nguyễn Thị	**Soan**	Nữ	1/8/1970		5.00	23.00	5.00	
335	335	Vũ Thế	**Soạn**	Nam	30/4/1967		5.00	29.50	6.00	
336	336	Nguyễn Thanh	**Sơn**	Nam	11/8/1969		5.00	31.00		
337	337	Phạm Thanh	**Sơn**	Nam	9/3/1975		5.00	24.50	6.50	
338	338	Trần Nam	**Sơn**	Nam	30/3/1978					
339	339	Trần Ngọc	**Sơn**	Nam	12/11/1979		5.50	58.00	7.00	
340	340	Trần Văn	**Sơn**	Nam	25/12/1982		8.00	50.50	6.00	
341	341	Nguyễn Đình	**Sơn**	Nam	11/1/1977	Vùngcao	7.50	17.50	8.50	
342	342	Đoàn Văn	**Sơn**	Nam	8/3/1970					
343	343	Lê Trường	**Sơn**	Nam	13/6/1982		6.00	70.00	0.00	
344	344	Nguyễn Văn	**Tá**	Nam	1/8/1989		7.50	50.00	7.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
345	345	Nguyễn Hữu	**Tài**	Nam	7/5/1982	Miền núi	6.50	53.00	4.00	
346	346	Bùi Văn	**Tám**	Nam	15/5/1978		3.00	43.00	6.00	
347	347	Nguyễn Thị Hạnh	**Tâm**	Nữ	18/6/1987		8.00	57.50	6.00	
348	348	Trần Thanh	**Tâm**	Nam	28/8/1980		8.00	22.50	6.00	
349	349	Trần Thị Minh	**Tâm**	Nữ	16/10/1982		3.50	30.50	6.50	
350	350	Phạm Thị Thúy	**Tâm**	Nữ	4/1/1971		5.00	69.50	0.00	
351	351	Đinh Hải	**Tâm**	Nam	20/2/1970		3.50	41.50	6.00	
352	352	Huỳnh Ngọc	**Tâm**	Nữ	8/3/1965		6.00	50.00	8.00	
353	353	Hoàng Thị Thanh	**Tâm**	Nữ	12/4/1971		5.00	55.00	7.00	
354	354	Cao Đình	**Tâm**	Nam	26/3/1975		5.00	51.50	7.50	
355	355	Nguyễn Thế	**Thạch**	Nam	27/10/1973		5.00			
356	356	Đậu Thị Hồng	**Thắm**	Nữ	12/6/1987		7.00	50.50	8.50	
357	357	Đào Bình	**Thăng**	Nam	23/6/1964		3.50	60.50	5.50	
358	358	Nguyễn Tất	**Thắng**	Nam	7/9/1971					
359	359	Phạm Văn	**Thắng**	Nam	1/4/1975		6.50	34.00	8.00	
360	360	Nguyễn Anh	**Thắng**	Nam	9/12/1986		5.50	51.00	8.00	
361	361	Vũ Toàn	**Thắng**	Nam	15/8/1975		0.00			
362	362	Phan Quang	**Thắng**	Nam	8/9/1981		7.50	62.50	6.00	
363	363	Trần Thị Hồng	**Thanh**	Nữ	22/12/1989		8.50	59.50	5.50	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
364	364	Trần Đức	**Thành**	Nam	11/9/1974					
365	365	Bùi Thị	**Thành**	Nữ	12/3/1985		4.00	50.00	4.00	
366	366	Lê Minh	**Thành**	Nam	26/10/1976		8.00	50.00	7.00	
367	367	Nguyễn Văn	**Thành**	Nam	12/9/1979		9.00	77.00	5.00	
368	368	Phùng Thừa	**Thảo**	Nam	19/2/1990					
369	369	Nguyễn Thị Phương	**Thảo**	Nữ	7/9/1975					
370	370	Đỗ Thị Thu	**Thảo**	Nữ	19/12/1976		7.50	50.00	6.50	
371	371	Đặng Thị Thu	**Thảo**	Nữ	25/8/1987	Miền núi				
372	372	Nguyễn Văn	**Thảo**	Nam	13/10/1977		6.00	30.50	6.00	
373	373	Nguyễn Văn	**Thể**	Nam	12/1/1978		5.50	41.50	6.00	
374	374	Bùi Thị Kiều	**Thơ**	Nữ	15/2/1980		6.00	74.00	6.00	
375	375	Nguyễn Hữu	**Thọ**	Nam	21/12/1975					
376	376	Trần Đức	**Thọ**	Nam	10/6/1975	Miền núi	7.00	50.00	5.00	
377	377	Đinh Thị	**Thoa**	Nữ	3/9/1972		4.50	25.00	3.50	
378	378	Võ Thị Kim	**Thoa**	Nữ	12/1/1981					
379	379	Nguyễn Thị	**Thơm**	Nữ	13/7/1971					
380	380	Lê Hà	**Thu**	Nữ	23/11/1989					
381	381	Lã Thanh Hà	**Thu**	Nữ	6/8/1976		7.00	50.00	5.00	
382	382	Lê Thị Kim	**Thu**	Nữ	28/5/1977		8.00	70.00	7.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
383	383	Lại Thị	**Thu**	Nữ	20/8/1988		7.50	65.00	6.00	
384	384	Dương Thị Hoài	**Thu**	Nữ	8/8/1969		7.50	50.00	8.50	
385	385	Nguyễn Thị	**Thu**	Nữ	29/9/1979					
386	386	Nguyễn Đức	**Thụ**	Nam	29/7/1977		6.00	35.50	6.00	
387	387	Phạm Thị	**Thuận**	Nữ	10/5/1973	Vùngcao				
388	388	Chu Văn	**Thuận**	Nam	20/7/1982	Miền núi	8.00	63.00	7.00	
389	389	Hứa Hiền	**Thương**	Nữ	1/8/1988	DT thiểu số	8.00	50.00	6.00	
390	390	Đoàn Thị Tình	**Thương**	Nữ	10/8/1971		8.00	43.00	8.00	
391	391	Trần Thị Cẩm	**Thúy**	Nữ	26/3/1976	M. núi	6.00	18.00	6.50	
392	392	Dư Thị	**Thúy**	Nữ	25/12/1972					
393	393	Lê Thị Bích	**Thúy**	Nữ	4/5/1977		4.00	24.00		
394	394	Tạ Thị	**Thúy**	Nữ	16/8/1990					
395	395	Phạm Đình	**Thúy**	Nam	3/9/1966		2.00			
396	396	Nguyễn Thị Phương	**Thúy**	Nữ	28/5/1978		7.00	58.00	7.00	
397	397	Nguyễn Thị	**Thùy**	Nữ	3/10/1990		7.50	54.00	8.00	
398	398	Đỗ Thị	**Thủy**	Nữ	8/2/1970		7.00	58.00	8.00	
399	399	Ngụy Thị Thanh	**Thủy**	Nữ	12/6/1988		4.00	18.00	4.00	
400	400	Tô Thị	**Thủy**	Nữ	10/1/1972		6.50	57.00	6.00	
401	401	Doãn Thị Thu	**Thủy**	Nữ	30/9/1988		7.50	87.00	7.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
402	402	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	Nữ	24/7/1983					
403	403	Hoàng Thị	**Thủy**	Nữ	24/5/1985	Con thương binh	5.50	15.50	5.00	
404	404	Trần Thị Lệ	**Thủy**	Nữ	9/7/1972					
405	405	Nguyễn Xuân	**Thủy**	Nam	1/8/1980					
406	406	Nguyễn Thủy	**Tiên**	Nữ	12/8/1977		5.50	58.00	5.50	
407	407	Phạm Đức	**Tiến**	Nam	12/3/1978		3.00	31.00	5.00	
408	408	Nguyễn Văn	**Tiến**	Nam	3/10/1969					
409	409	Nguyễn Ngọc	**Tiến**	Nam	4/11/1979		5.00	53.50	6.50	
410	410	Nguyễn Thị	**Tiến**	Nữ	9/11/1976		6.50	48.00	6.50	
411	411	Nguyễn Văn	**Tình**	Nam	3/9/1975		5.50	30.00	7.00	
412	412	Nguyễn Đức	**Toàn**	Nam	6/12/1976	M. núi	3.00	36.50	4.00	
413	413	Nguyễn Quang	**Toàn**	Nam	14/6/1975	M. núi	1.00			
414	414	Cù Văn	**Toàn**	Nam	13/4/1979		7.00	36.50	5.50	
415	415	Phạm Đức	**Tòng**	Nam	12/11/1979		4.00	26.00	3.00	
416	416	Vũ Hương	**Trà**	Nữ	20/9/1982		3.50	66.50	3.00	
417	417	Phạm Thị Quỳnh	**Trang**	Nữ	29/9/1989	Con thương binh	3.50	42.50	7.00	
418	418	Trần Thị Thanh	**Trang**	Nữ	16/1/1981		7.00	43.00	8.00	
419	419	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	Nữ	30/4/1980		5.50	25.50	6.00	
420	420	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	Nữ	26/4/1985		3.00	37.00		

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
421	421	Bùi Thị Thu	**Trang**	Nữ	17/11/1988		5.00	39.00	4.00	
422	422	Đỗ Thị Linh	**Trang**	Nữ	1/3/1981	M. núi	8.50	43.00	8.00	
423	423	Đỗ Hồng	**Trí**	Nam	18/2/1972		7.50	45.00	5.50	
424	424	Nguyễn Văn	**Trình**	Nam	18/6/1980		8.00	27.00	5.00	
425	425	Vũ Sỹ	**Trọng**	Nam	30/8/1982		3.00	28.50	0.00	
426	426	Nguyễn Thế	**Trung**	Nam	6/11/1979	M. núi	7.50	26.00	5.50	
427	427	Nguyễn Việt	**Trung**	Nam	23/3/1979		4.00	52.50	4.00	
428	428	Nguyễn Thành	**Trung**	Nam	20/2/1980	M. núi	9.00	24.00		
429	429	Nguyễn Xuân	**Trường**	Nam	22/1/1977		2.50	39.00	4.00	
430	430	Đỗ Anh	**Truyền**	Nam	15/11/1985		5.00	36.00	7.50	
431	431	Hồ Trọng	**Tuấn**	Nam	10/10/1973		6.00	52.00	6.00	
432	432	Bùi Quang	**Tuấn**	Nam	1/11/1974					
433	433	Bùi Minh	**Tuấn**	Nam	20/8/1988		5.50	29.00	6.00	
434	434	Nguyễn Anh	**Tuấn**	Nam	1/9/1970		7.00	62.00	5.50	
435	435	Nguyễn Mạnh	**Tuấn**	Nam	15/4/1978		5.50	38.00	6.00	
436	436	Lưu Văn	**Tuấn**	Nam	10/10/1980		1.50			
437	437	Nguyễn Văn	**Tuấn**	Nam	25/12/1975		6.50	59.00	7.50	
438	438	Nguyễn Anh	**Tuấn**	Nam	22/11/1976		5.50	46.00	5.00	
439	439	Đinh Văn	**Tuấn**	Nam	24/1/1983					

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
440	440	Vũ Anh	**Tuấn**	Nam	24/4/1974					
441	441	Đoàn Đình	**Tuấn**	Nam	22/6/1989					
442	442	Giáp Văn	**Tuấn**	Nam	8/9/1974		7.50	50.00	5.50	
443	443	Đỗ Thanh	**Tùng**	Nam	19/3/1973	Vùngcao	8.00	42.50	8.50	
444	444	Đào Nguyên	**Tùng**	Nam	25/9/1972		2.50	45.00	3.00	
445	445	Phạm Mạnh	**Tùng**	Nam	28/5/1974		5.50	45.00	0.00	
446	446	Đoàn Thanh	**Tùng**	Nam	17/12/1978					
447	447	Giáp Thanh	**Tùng**	Nam	20/4/1978	Vùngcao	8.50	55.00	7.00	
448	448	Vũ Thị	**Tươi**	Nữ	15/2/1986		7.00	45.00	7.50	
449	449	Nguyễn Thị	**Tươi**	Nữ	9/5/1979		5.00	65.50	7.00	
450	450	Ngô Văn	**Tưởng**	Nam	20/6/1973		5.50	41.00	4.00	
451	451	Phạm Kim	**Tuyến**	Nữ	27/5/1990		6.00	44.50	6.50	
452	452	Đinh Quang	**Tuyến**	Nam	14/11/1977					
453	453	Nguyễn Thị	**Tuyết**	Nữ	26/8/1987		5.00	59.50	0.00	
454	454	Lưu Thị Ánh	**Tuyết**	Nữ	25/2/1977		5.00	68.00	5.50	
455	455	Hà Xuân	**Tý**	Nam	12/8/1965					
456	456	Phan Thu	**Uyên**	Nữ	10/3/1990		6.00	39.00	7.50	
457	457	Nguyễn Thị	**Vân**	Nữ	23/5/1981		6.00	57.00	4.00	
458	458	Trần Thị Thanh	**Vân**	Nữ	16/8/1969		6.00	16.50	6.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
459	459	Lương Bạch	**Vân**	Nữ	20/8/1990		7.00	47.00	7.00	
460	460	Lê Thị	**Vân**	Nữ	7/6/1978		5.00	73.00	5.00	
461	461	Phạm Thị	**Vân**	Nữ	7/11/1990		8.00	50.00	7.00	
462	462	Nguyễn Thị	**Vân**	Nữ	28/11/1978		8.00	45.50	6.50	
463	463	Ngụy Thị	**Vân**	Nữ	19/9/1976					
464	464	Nguyễn Thị Thúy	**Vân**	Nữ	29/7/1979		8.00	45.50	8.00	
465	465	Nguyễn Thị	**Vân**	Nữ	24/10/1976		8.00	62.50	5.00	
466	466	Nguyễn Thị Thanh	**Vân**	Nữ	27/9/1983		8.00	38.00	6.00	
467	467	Nguyễn An	**Văn**	Nam	6/3/1984		6.00	51.00	5.00	
468	468	Đỗ Văn	**Viên**	Nam	6/6/1977	Vùngcao	8.00	60.00	7.50	
469	469	Nguyễn Thị	**Việt**	Nữ	3/4/1985		8.00	50.00	8.00	
470	470	Hà Minh	**Việt**	Nam	16/10/1984	M. núi	7.50	48.00	6.50	
471	471	Nguyễn Thị	**Vinh**	Nữ	10/12/1976		5.50	38.00	3.00	
472	472	Phạm Thế	**Vĩnh**	Nam	10/5/1981	M. núi				
473	473	Vũ Thế	**Võ**	Nam	6/4/1976	Con NN CĐDC	8.00	56.00	6.00	
474	474	Lê Anh	**Vũ**	Nam	21/2/1979		7.50	51.00	8.50	
475	475	Nguyễn Minh	**Vỹ**	Nam	18/9/1967	M. núi	8.50	59.50	3.00	
476	476	Vũ Thị	**Xoan**	Nữ	20/7/1983		5.00	57.00	6.00	
477	477	Nguyễn Thị Thanh	**Xuân**	Nữ	22/12/1978		5.50	50.50	0.00	

STT	SBD	Họ và	Tên	Giới	Sinh ngày	Đối tượng thuộc diện ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	
478	478	Nguyễn Thị Minh	**Xuân**	Nữ	24/3/1978		5.00	45.50	5.50	
479	479	Đào Thị Thanh	**Xuân**	Nữ	22/1/1974					
480	480	Ngô Hải	**Yến**	Nữ	31/10/1977		6.00	41.50	5.00	
481	481	Lê Thị Hoàng	**Yến**	Nữ	8/12/1973		6.00	43.50	5.00	
482	482	Nguyễn Hải	**Yến**	Nữ	23/5/1991					
483	483	Trần Thị Hải	**Yến**	Nữ	17/5/1978					
484	484	Vũ Hoàng	**Yến**	Nữ	18/10/1978		5.50	20.50	3.00	
485	485	Đặng Hoàng	**Yến**	Nữ	30/3/1983		8.00	46.50	7.00	

LÃNH ĐẠO HỌC VIỆN
P.GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Công Giáp

TT SĐH-BDNG&CBQL
GIÁM Đ ỐC

PGS.TS.Trần Thị Minh Hằng

Ngày 15 tháng 05 năm 2013.
Ngư ời lập

Nguy ễn Đình Trung